

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lương Thanh Hải

2. Bà: Hà Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:

Bà: Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Bảo A, sinh năm: 1997

Nơi ĐKKHTT: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Khu Phố C, Thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Bảo A trình bày: Chị và anh K tự do tìm hiểu yêu thương nhau được khoảng 02 năm, được sự thống nhất của hai bên gia đình cho tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã L (Nay là Thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 11/12/2017. Hôn nhân tự nguyện, cuộc

sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 10/2018 chị sinh con, được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K còn trẻ chưa biết chăm lo cho cuộc sống gia đình, con nhỏ và bản thân chị lại thường xuyên ốm đau, anh K thờ ơ. Gia đình anh K thấy vậy cũng không quan tâm dẫn đến chị bị trầm cảm, đến năm 2020 xét thấy không chịu đựng được chị đưa con về nhà bố mẹ để chữa bệnh và sống ly thân. Tết năm 2021 chỉ vẫn đưa con về nhà anh K ăn tết nhưng anh K vẫn thờ ơ nên chị lại tiếp tục đưa con về nhà bố mẹ để sống ly thân. Nay xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh K, nhưng do dịch bệnh anh K không về được, sau đó anh K về giải quyết được một lần.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Đức B, sinh ngày 08/10/2018. Từ khi vợ chồng ly thân chị là người trực tiếp nuôi con. Nay ly hôn chị đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Không có.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 19/4/2022 bị đơn anh Bùi Văn K trình bày: Vợ chồng lấy nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã L (Nay là Thị trấn C) sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2018 vợ anh sinh con, sau đó anh đi làm xa nhà không gọi điện và quan tâm đến vợ con nên chị Bảo A suy nghĩ dẫn đến ốm đau, sau đó được bố mẹ vợ đưa về nhà để điều trị bệnh, không phải về để ly thân. Nay chị Bảo A làm đơn ly hôn, vì đang còn yêu vợ con nên anh không có lý do gì để ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị Bảo A vẫn cương quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Đức B, sinh ngày 08/10/2018. Nay nếu ly hôn anh đề nghị giao con cho chị Bảo A tiếp tục nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Hà Bảo A giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị giao con chung cho chị nuôi dưỡng, không đề nghị anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn K: Tòa án đã thông báo và triệu tập anh K đến Tòa án hòa giải lần hai nhưng anh K không có mặt, sau khi hoàn tất các thủ tục tố tụng. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tại phiên Tòa ngày 20/06/2022 anh K vắng mặt không có lý do phải hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b điều 227 của BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt anh K. Chủ tọa phiên tòa cho công bố biên bản gai nhận, biên bản làm việc, biên bản xác minh và toàn bộ các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ liên quan đến thủ tục tố tụng đối với anh K để Hội đồng xét xử thảo luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Bảo A, xử cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Giao cháu Bùi Đức Bình, sinh ngày 08/10/2018 cho chị Hà Bảo Anh tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Anh Khoán không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Khoán có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Không có

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn sau khi hòa giải lần 1 đã được triệu tập hợp lệ đến hòa giải lần hai vắng mặt, sau khi mở phiên tòa đã được triệu tập lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Hà Bảo A và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L (Nay là thị trấn C), huyện B, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do anh K không quan tâm đến vợ con. Nay chị Hà Bảo A có đơn đề nghị TAND huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trăm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Hà Bảo A được ly hôn anh Bùi Văn K.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Bùi Đức B, sinh ngày 08/10/2018. Ly hôn chị Hà Bảo A có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh K đồng ý. Xét việc thỏa thuận của hai bên là phù hợp với pháp luật. Vì vậy giao cháu Bình cho chị Hà Bảo A trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, 227, 273, 275 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Bảo A được ly hôn anh Bùi Văn K.

Về con chung: Giao cháu Bùi Đức B, sinh ngày 08/10/2018 cho chị Hà Bảo A tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh K có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Hà Bảo A phải nộp 300.000đ án phí DSST, chị được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0008562 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Nga